

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 19/2008/TT-
BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2008

THÔNG TƯ

Sửa đổi bổ sung thông tư số 03/2007/TT-LLĐTBXH ngày 30 tháng 01 năm 2007 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính Phủ hướng dẫn một số Điều của Luật Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm xã hội bắt buộc

Căn cứ Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn một số Điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 152/2006/NĐ-CP), Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số khoản của Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 01 năm 2007 về hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH) như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 mục I chế độ ốm đau phần B như sau:

"2. Mức hưởng chế độ ốm đau đối với người lao động mắc bệnh cần chữa trị dài ngày được tính như sau:

Mức hưởng chế độ ốm đau đối với bệnh cần chữa trị dài ngày	=	Tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc	x	Tỷ lệ hưởng chế độ ốm đau (%)	x	Số tháng nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau
--	---	--	---	-------------------------------	---	--

Trong đó:

a) Tỷ lệ hưởng chế độ ốm đau:

- + Bằng 75% đối với thời gian tối đa là 180 ngày trong một năm;
- + Bằng 65% đối với trường hợp hết thời hạn 180 ngày trong một năm mà người lao động vẫn tiếp tục điều trị nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 30 năm trở lên;
- + Bằng 55% đối với trường hợp hết thời hạn 180 ngày trong một năm mà người lao động vẫn tiếp tục điều trị nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm;
- + Bằng 45% đối với trường hợp hết thời hạn 180 ngày trong một năm mà người lao động vẫn tiếp tục điều trị nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm.

b) Số tháng nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau được tính theo tháng dương lịch.

Trường hợp có ngày lễ thì cách tính mức hưởng chế độ ốm đau cho những ngày này như sau:

Mức hưởng chế độ ốm đau đối với bệnh cần chữa trị dài ngày	=	$\frac{\text{Tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{26 \text{ ngày}}$	x	$\frac{\text{Tỷ lệ hưởng chế độ ốm đau (\%)}}{100}$	x	$\text{Số ngày nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau}$
--	---	---	---	---	---	--

Trong đó:

- Tỷ lệ hưởng chế độ ốm đau theo quy định tại điểm a khoản này.
- Số ngày nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần.

c) Người lao động mắc bệnh cần chữa trị dài ngày, sau 180 ngày vẫn tiếp tục điều trị, mà khi tính có mức hưởng chế độ ốm đau trong tháng thấp hơn mức lương tối thiểu chung thì được tính bằng mức lương tối thiểu chung.

2. Bổ sung các khoản 4, 5 và khoản 6 vào mục I chế độ ốm đau phần B như sau:

“4. Trường hợp trong cùng một thời gian người lao động có từ 2 con trở lên dưới 7 tuổi bị ốm đau, thì thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau được tính bằng thời gian thực tế người lao động nghỉ việc chăm sóc con ốm đau; thời gian tối đa người lao động nghỉ việc trong một năm cho mỗi con được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP.

Ví dụ 1: Bà A là công nhân của Xí nghiệp dệt may, có 2 con dưới 7 tuổi bị ốm đau với thời gian như sau: con thứ nhất bị ốm từ ngày 14 tháng 10 đến ngày 20 tháng 10 năm 2008, con thứ hai bị ốm từ ngày 17 tháng 10 đến ngày 21 tháng 10 năm 2008, bà A phải nghỉ việc để chăm sóc 2 con ốm đau. Ngày nghỉ hàng tuần của bà A là ngày thứ sáu. Thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của bà A được tính từ ngày 14 đến ngày 21 tháng 10 năm 2008 là 7 ngày (trừ 1 ngày nghỉ hàng tuần là thứ sáu). Trường hợp này hồ sơ thanh toán cần có giấy khám bệnh của cả 2 con.

5. Trường hợp người lao động khám, chữa bệnh tại nước ngoài thì hồ sơ hưởng chế độ ốm đau gồm sổ bảo hiểm xã hội; giấy xác nhận của cơ sở y tế trong nước về trường hợp bệnh tật và quá trình điều trị; giấy khám, chữa bệnh do cơ sở y tế nước ngoài cấp và giấy xác nhận của người sử dụng lao động về thời gian nghỉ việc (bao gồm cả ngày đi và về) để khám, chữa bệnh tại nước ngoài.

6. Người lao động đã hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong năm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP, trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ khi người lao động trở lại làm việc mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP.”

3. Bổ sung các khoản 7, 8, 9 và khoản 10 vào mục II chế độ thai sản phần B như sau:

“7. Trường hợp người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP, nhưng không nghỉ việc thì chỉ được hưởng trợ cấp một lần khi nhận con nuôi quy định tại Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội.

8. Trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng người lao động sinh con hoặc tháng người lao động nhận nuôi con nuôi.

9. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính hưởng chế độ thai sản quy định tại Điều 16 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng hưởng chế độ.

10. Trong khoảng thời gian 30 ngày, tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sẩy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu quy định tại Điều 30 Luật Bảo hiểm xã hội hoặc trong khoảng thời gian 60 ngày tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sinh con quy định tại Điều 31 Luật Bảo hiểm xã hội mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP.”

4. Bổ sung các khoản 5, 6, 7, 8 và khoản 9 vào mục III chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phần B như sau:

“5. Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động sau khi thương tật, bệnh tật tái phát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

a) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007:

a1) Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động dưới 31% thì được hưởng mức trợ cấp một lần theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động trước khi giám định lại	Mức suy giảm khả năng lao động sau khi giám định lại	Mức trợ cấp một lần
Từ 5% đến 10%	Từ 10% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 11% đến 20%	4 tháng lương tối thiểu chung
	Từ 21% đến 30%	8 tháng lương tối thiểu chung
Từ 11% đến 20%	Từ 20% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 21% đến 30%	4 tháng lương tối thiểu chung
Từ 21% đến 30%	Từ 30% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới

a2) Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng. Mức hưởng theo quy định tại điểm b khoản này.

Ví dụ 2: Ông B bị tai nạn lao động tháng 10/2006 với mức suy giảm khả năng lao động là 21%, đã nhận trợ cấp một lần là 5.400.000 đồng. Tháng 10/2008, do thương tật tái phát ông B được giám định lại, mức suy giảm khả

năng lao động mới là 45%. Ông B có mức suy giảm khả năng lao động thuộc nhóm 2, được hưởng mức trợ cấp hàng tháng bằng 0,6 tháng lương tối thiểu chung. Giả định mức lương tối thiểu chung tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 540.000 đồng/tháng. Mức trợ cấp hàng tháng của ông B là: $0,6 \times 540.000 = 324.000$ (đồng/tháng).

b) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007, sau khi giám định lại thì tùy thuộc vào kết quả giám định lại mức suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức trợ cấp hàng tháng theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp hàng tháng
Nhóm 1: Từ 31% đến 40%	0,4 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 2: Từ 41% đến 50%	0,6 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 3: Từ 51% đến 60%	0,8 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 4: Từ 61% đến 70%	1,0 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 5: Từ 71% đến 80%	1,2 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 6: Từ 81% đến 90%	1,4 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 7: Từ 91% đến 100%	1,6 tháng lương tối thiểu chung

c) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP:

c1) Sau khi giám định lại, có mức suy giảm khả năng lao động tăng so với trước đó và dưới 31% thì hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần được tính bằng hiệu số giữa mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới với mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động trước đó.

Ví dụ 3: Ông C bị tai nạn lao động tháng 02/2007 với mức suy giảm khả năng lao động là 20%. Tháng 02/2009, do thương tật tái phát ông C được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 30%. Giả định mức lương tối thiểu chung tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 540.000 đồng/tháng. Ông C được hưởng mức trợ cấp một lần như sau:

$$\begin{aligned} & \{5 \times L_{\min} + (30 - 5) \times 0,5 \times L_{\min}\} - \{5 \times L_{\min} + (20 - 5) \times 0,5 \times L_{\min}\} = \\ & = (5 \times L_{\min} + 12,5 \times L_{\min}) - (5 \times L_{\min} + 7,5 \times L_{\min}) = 5 \times L_{\min} = \\ & = 5 \times 540.000 = 2.700.000 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

c2) Sau khi giám định lại, có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hàng tháng theo hướng dẫn tại khoản 3 mục III phần B Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính trên mức suy giảm khả năng lao động mới; mức trợ cấp tính theo số

năm đóng bảo hiểm xã hội được tính với số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội đã tính hưởng trợ cấp một lần trước đó.

Ví dụ 4: Ông C nêu ở ví dụ 3, bị tai nạn lao động tháng 02/2007 với mức suy giảm khả năng lao động là 20%. Ông C có 10 năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị là 1.200.000 đồng. Do thương tật tái phát, tháng 02/2009, ông C được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 32%. Giả định mức lương tối thiểu chung tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 540.000 đồng/tháng. Ông C được hưởng mức trợ cấp hàng tháng tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức trợ cấp hàng tháng} &= \text{Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới} + \text{Mức trợ cấp tính theo số năm đóng BHXH} \\ &= \{0,3 \times L_{\min} + (m - 31) \times 0,02 \times L_{\min}\} + \{0,005 \times L + (t - 1) \times 0,003 \times L\} \end{aligned}$$

Trong đó:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới là:

$$0,3 \times L_{\min} + (32 - 31) \times 0,02 \times L_{\min} = 0,3 \times L_{\min} + 0,02 \times L_{\min} = 0,32 \times L_{\min} = 0,32 \times 540.000 = 172.800 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là:

$$0,005 \times L + (10 - 1) \times 0,003 \times L = 0,005 \times L + 0,027 \times L = 0,032 \times L = 0,032 \times 1.200.000 = 38.400 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp hàng tháng của ông C là:

$$172.800 \text{ đồng/tháng} + 38.400 \text{ đồng/tháng} = 211.200 \text{ (đồng/tháng)}$$

d) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP, khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động thay đổi thì mức trợ cấp hàng tháng mới được tính theo quy định tại khoản 3 mục III phần B Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính trên mức suy giảm khả năng lao động mới; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là mức hiện hưởng.

Ví dụ 5: Ông D bị tai nạn lao động tháng 3/2007 với mức suy giảm khả năng lao động là 40%, được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng, trong đó mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội hiện hưởng là 53.200 đồng/tháng. Do thương tật tái phát, tháng 3/2009, ông D được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 45%. Giả định mức lương tối thiểu chung tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 540.000 đồng/tháng. Ông D được hưởng mức trợ cấp hàng tháng tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức trợ cấp hàng tháng} &= \text{Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới} + \text{Mức trợ cấp tính theo số năm đóng BHXH} \end{aligned}$$